PHÒNG GD&ĐT TP TÂN AN

**TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG**

**HƯỚNG DẪN LÀM BÀI ÔN TẬP KIẾN THỨC TỪ 5/4 - 4/4/2020**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 9**

**CHUYÊN ĐỀ 2: NGỮ PHÁP TỪ LOẠI TIẾNG VIỆT**

**GIÁO VIÊN SOẠN: NGUYỄN THỊ PHƠI**

**A. Tóm tắt kiến thức cơ bản**

**1. Danh từ**

***a) Khái niệm***: Danh từ là từ chỉ sự vật, hiện tượng, khái niệm.

***b) Các loại danh từ:***

*- Danh từ chỉ sự vật:*

+ Danh từ chung: Là những danh từ có thể dùng làm tên gọi cho một loạt sự vật cùng loại. VD: *bàn, ghế, quần, áo, sách, bút ...*

+ Danh từ riêng: Là những danh từ dùng làm tên gọi riêng cho từng cá thể, sự vật, người, địa phương, cơ quan, tổ chức. VD: *Hoàng, Trang, Hà nội, Trường THCS Ba Đình ...*

*- Danh từ chỉ đơn vị*:

+ Danh từ chỉ đơn vị tự nhiên (còn gọi là loại từ). VD*: cái, con, hòn, viên, tấm, bức, bọn, nhóm ...*

+ Danh từ chỉ đơn vị quy ước (Danh từ chỉ đơn vị chính xác và danh từ chỉ đơn vị ước chừng).

**2. Động từ**

***a) Khái niệm***: Động từ là những từ có ý nghĩa khái quát chỉ hành động, trạng thái của sự vật. Động từ có khả năng kết hợp với các từ *đã, sẽ, đang, cũng, vẫn, cứ, còn, hãy, đừng, chớ ...* và thường làm vị ngữ trong câu.

***b) Các loại động từ: Động từ tình thái, động từ hành động trạng thái,***

**3. Tính từ**

***a) Khái niệm***: Là những từ có ý nghĩa khái quát chỉ đặc điểm, tính chất. Tính từ có khả năng kết hợp với *đã, đang, sẽ, rất, lắm, quá*. Thường làm vị ngữ trong câu hoặc phụ ngữ trong cụm danh từ và cụm động từ.

***b) Các loại tính từ:*** Tính từ không đi kèm các từ chỉ mức độ và tính từ có thể đi kèm các từ chỉ mức độ.

**4. Số từ:** Là những từ chỉ số lượng hoặc số thứ tự.

**5. Đại từ** là những từ dùng để thay thế cho người, sự vật, hoạt động, tính chất được nói đến hoặc dùng để hỏi. Đại từ không có nghĩa cố định, nghĩa của đại từ phụ thuộc vào nghĩa của từ ngữ mà nó thay thế.

**6. Lượng từ** là những từ chỉ lượng ít hay nhiều một cách khái quát.

**7. Chỉ từ** là những từ dùng để chỏ vào sự vật xác định sự vật theo các vị trí không gian thời gian.

**8. Phó từ** là những từ chuyên đi kèm để bổ sung ý nghĩa cho động từ và tính từ. Phó từ không có khả năng gọi tên các quan hệ về ý nghĩa mà nó bổ sung cho động từ và tính từ.

**9. Quan hệtừ** là những từ dùng nối các bộ phận của câu, các câu, các đoạn với nhau để biểu thị các quan hệ khác nhau giữa chúng.

**10. Trợ từ** là các từ chuyên đi kèm các từ ngữ khác để nhấn mạnh hoặc để nêu ý nghĩa đánh giá sự vật, sự việc được các từ ngữ đó biểu thị. Trợ từ không có khả năng làm thành một câu độc lập.

Ví dụ: *những, có, chính đích, ngay,...*

**11. Thán từ:** là những từ dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người nói hoặc dùng để gọi đáp. Thán từ thường đứng ở đầu câu, có khi nó được tách ra thành một câu đặc biệt.

Thán từ gồm 2 loại chính:

- Thán từ bộc lộ tình cảm, cảm xúc: *a, ái, ôi, ô hay, than ôi, trời ơi,...*

- Thán từ gọi đáp: *này, ơi, vâng , dạ , ừ.*

**12. Tình thái từ** là những từ dùng để tạo các kiểu câu phân loại theo mục đích nói.

**B. Các dạng bài tập**

**Bài tập1. Cho các câu sau:**

a)*Tôi / không / lội / qua / sông / thả / diều / như / thằng / Quý / và / không / đi / ra / đồng / nô đùa / như / thằng / Sơn / nữa.*

*b) Trong / chiếc / áo /vải / dù / đen / dài / tôi / cảm thấy / mình / trang trọng / và / đứng đắn.*

*(Thanh Tịnh – Tôi đi học)*

- Xác định từ loại cho các từ trong các câu trên.

- Hãy cho ví dụ về từ loại còn thiếu trong các câu trên.

**Gợi ý:**

***\* Xác định từ loại:***

- Danh từ: *sông, diều, thằng, Quý, thằng, Sơn, đồng, chiếc, áo, vải, dù.*

- Động từ: *lội, thả, đi, ra, nô đùa, cảm thấy.*

- Tính từ: *đen, dài, trang trọng, đứng đắn.*

- Đại từ: *tôi, mình.*

- Phó từ: *không, nữa,*

- Quan hệ từ: *qua, và, như.*

***\* Ví dụ về một số từ loại còn thiếu:***

- Số từ: *hai, ba, thứ hai, thứ ba.*

- Lượng từ: *những, các, mọi, mỗi.*

- Chỉ từ: *này, kia, ấy, nọ.*

- Trợ từ: *chính đích, ngay, là, những, có.*

- Tình thái từ: *à, ư, hử, hả, thay, sao, nhé*.

- Thán từ: *ôi, ô hay, dạ, vâng, ơi.*

**Bài tập 2**: Hãy thêm các từ cho sau đây vào trước những từ thích hợp với chúng trong ba cột bên dưới. Cho biết mỗi từ trong ba cột đó thuộc từ loại nào?

1. *những, các, một*
2. *hãy, đã, vừa*
3. *rất, hơi, quá*

/ .../ hay /.../ cái( lăng) /.../đột ngột

/ .../ đọc /.../ phục dịch /.../ ông giáo

/.../ lần / .../ làng /.../ phải

/.../ nghĩ ngợi /.../ đập /.../ sung sướng

**\* Gợi ý**

*Rất* hay (TT) *một* cái ( lăng) (DT) *rất* đột ngột (TT)

*Đã* đọc (ĐT) *đã* phục dịch (ĐT) *những* ông giáo (DT)

*Một* lần (DT) *các* làng (DT) *rấ*t phải (TT)

*Vừa* nghĩ ngợi (ĐT) *vừa* đập (ĐT) *quá* sung sướng (TT)

**C. Bài tập thêm:**

Viết một đoạn văn ngắn về chủ đề học tập trong đó có sử dụng các từ loại đã học.

**Gợi ý:**- Viết được đoạn văn theo đúng chủ đề.

- Trong đoạn văn có sử dụng từ 3 từ loại trở lên.

............................................................................................................................

**CỤM TỪ**

**A. Tóm tắt kiến thức cơ bản**

**I. Cụm danh từ**

**\* Khái niệm:** là loại tổ hợp từ do danh từ và một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành. Cụm danh từ có ý nghĩa đầy đủ hơn và có cấu tạo phức tạp hơn một mình danh từ, nhưng hoạt động trong câu giống như một danh từ.

VD*: Một* ***túp lều*** *nát trên bờ biển.*

**\* Mô hình của cụm danh từ**: Gồm có phần trước, phần trung tâm và phần sau.

- Các phụ ngữ ở phần trước bổ sung cho danh từ các ý nghĩa về số lượng.

- Các phụ ngữ ở phần sau nêu lên đặc điểm của sự vật mà danh từ biểu thị hoặc xác định vị trí của sự vật ấy trong không gian hay thời gian.

VD: *Một chàng dếthanh niên cường tráng.*

số từ trung tâm Phụ sau

**II. Cụm đông từ**

**\* Khái niệm**: là loại tổ hợp từ do động từ với một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành. Cụm động từ có ý nghĩa đầy đủ hơn và có cấu tạo phức tạp hơn một mình động từ, nhưng hoạt động trong câu giống như một động từ.

**\* Mô hình của cụm động từ**: Gồm có phần trước, phần trung tâm và phần sau.

- Các phụ ngữ ở phần trước bổ sung cho động từ các ý nghĩa về quan hệ thời gian, sự tiếp diễn tương tự...

- Các phụ ngữ ở phần sau bổ sung cho động từ các chi tiết về đối tượng, hướng, địa điểm, thời gian, mục đích, nguyên nhân...

VD: *Chưatìmđược ngay câu trả lời.*

PT PTT Phụ sau

**III. Cụm tính từ**

**\* Khái niệm:** là loại tổ hợp từ do tính từ với một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành . Cụm tính từ có ý nghĩa đầy đủ hơn và có cấu tạo phức tạp hơn một mình tính từ, nhưng hoạt động trong câu giống như một tính từ.

VD: ***Thơm*** *dịu ngọt cốm mới.*

**\* Mô hình của cụm tính từ**: Gồm có phần trước, phần trung tâm và phần sau.

- Các phụ ngữ ở phần trước biểu thị quan hệ thời gian, sự tiếp diễn tương tự, mức độ của đặc điểm, tính chất ...

- Các phụ ngữ ở phần sau biểu thị vị trí, sự so sánh, mức độ....

VD: *Đangtrẻnhư một thanh niên*

PT PTT Phần sau

**B. Các dạng bài tập**

**Bài tập 1.**Tìm và phân tíchcác cụm từcó trong đoạn trích sau:

*Những ý tưởng ấy tôi chưa lần nào ghi lên giấy, vì hồi ấy tôi không biết ghi và ngày nay tôi không nhớ hết. Nhưng mỗi lần thấy mấy em nhỏ rụt rè núp dưới nón mẹ lần đầu đi đến trường, lòng tôi lại tưng bừng rộn rã.*

*(***Thanh Tịnh** *- Tôi đi học)*

\* **Gợi ý:**

***+ Cụm danh từ***

**-** *Nhữngý tưởngấy.*

PT DT PS

- *Mấyem nhỏ.*

PT DT

***+ Cụm động từ:***

- *Chưa lần nàoghi lên giấy.*

PT ĐT PS

- *Lần đầu tiênđi đếntrường.*

PT ĐT PS

***+ Cụm tính từ***

- *Rụt rènúp dưới nón mẹ .*

TT PS

- *Lạitưng bừngrộn rã*

PT TT PS

**Bài tập 2**

Tìm phần trung tâm của các cụm từin đậmtrong các câu sau:

a. *Nhưng những điều kì lạ là* ***tất cả những ảnh hưởng quốc tế đó*** *đã nhào nặn với cái gốc văn hoá dân tộc không gì lay chuyển được ở Người.*

**(Lê Anh Trà**, *Phong cách Hồ Chí Minh*).

b*. Với lòng mong nhớ của anh, chắc anh nghĩ rằng, con anh* ***sẽ chạy xô vào lòng anh, sẽ ôm chặt lấy cổ anh.***

(**Nguyễn Quang Sáng**, *Chiếc lược ngà*)

*c. Không lời gửi của một Nguyễn Du, một Tôn - xtôi cho nhân loại* ***phức tạp hơn, cũng phong phú và sâu sắc hơn.***

**\* Gợi ý**

a. *Nhưng những điều kì lạ là* ***tất cả những ảnh hưởng quốc tế đó*** *đã nhào nặn với*

DT

*cái gốc văn hoá dân tộc không gì lay chuyển được ở người.*

(**Lê Anh Trà**, *Phong cách Hồ Chí Minh*).

b*. Với lòng mong nhớ của anh, chắc anh nghĩ rằng, con anh* ***sẽ chạy xô vào lòng***

**ĐT**

***anh, sẽ ôm chặt lấy cổ anh.***

**ĐT**

(**Nguyễn Quang Sáng**, *Chiếc lược ngà*)

c. *Không lời gửi của một Nguyễn Du, một Tôn - xtôi cho nhân loại* ***phức tạp hơn,***

**TT**

***cũngphong phú và sâu sắc hơn.***

**TT**

**C. Bài tập thêm:**

**Bài tập 1**: Tìm trong các văn bản đã học một đoạn văn, chỉ ra các cụm từ và gạch chân các cụm từ đó.

**\*Gợi ý:**

- HS tìm được đoạn văn có sử dụng các cụm từ.

- Xác định đúng các cụm từ và gạch chân.

**Bài tập 2**. Hãy viết một đoạn văn ngắn từ 5 đến 7 câu trong đó có sử dụng các cụm từ đã học, chỉ ra và phân tích các cụm từ đó theo mô hình 3 phần.

**\*Gợi ý:**

- HS viết được đoạn văn có sử dụng các cụm từ (tùy sự sáng tạo của học sinh)

- Trình bày cấu trúc đúng theo kết cấu của đoạn văn, có nội dung theo một chủ đề cụ thể cụ thể.

- Hình thức: trình bày sạch sẽ, khoa học.

......................................................................................................

**THÀNH PHẦN CÂU**

**A. Tóm tắt kiến thức cơ bản**

**I. Thành phần chính và thành phần phụ**

**1. Các thành phần chính.**

- **Chủ ngữ**: Nêu lên sự vật, hiện tượng có đặc điểm, tính chất, hoạt động, trạng thái ... được nói đến ở vị ngữ. Chủ ngữ thường trả lời câu hỏi *ai, con gì, cái gì.*

**- Vị ngữ***:* Nêu lên đặc điểm, tính chất, hoạt động, trạng thái của sự vật, hiện tượng được nói đến ở chủ ngữ, có khả năng kết hợp với các phó từ chỉ quan hệ thời gian. Vị ngữ thường trả lời cho câu hỏi *làm gì, như thế nào, là gì, ...*

**2. Các thành phần phụ.**

***-* Trạng ngữ** là thành phần nêu lên hoàn cảnh, thời gian, không gin, nguyên nhân, mục đích, phương tiện, cách thức của sự việc được diễn đạt trong câu.

***- Khởi ngữ:*** Là thành phần câu đứng trước chủ ngữ để nêu lên đề tài được nói đến trong câu.Trước khởi ngữ, thường có thể thêm các quan hệ từ ***về, đối với.***

**II. Các thành phần biệt lập.**

***1. Thành phần tình thái:*** được dùng để thể hiện cách nhìn của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu.

\* Những yếu tố tình thái gắn với độ tin cậy của sự việc được nói đến, như:

- *chắc chắn, chắc hẳn, chắc là,...*( chỉ độ in cậy cao).

- *hình như, dường như, hầu như, có vẻ như*,.... (chỉ độ tin cậy thấp)

VD: *Anh quay lại nhìn con vừa khe khẽ vừa lắc đầu cười.* ***Có lẽ*** *vì khổ tâm đến nỗi không khóc được, nên anh phải cười vậy thôi.*

\* Những yếu tố tình thái gắn với ý kiến của người nói, như:

- *theo tôi, ý ông ấy, theo anh*

\* Những yếu tố tình thái chỉ thái độ của người nói đối với người nghe, như:

- *à, ạ, a, hả, hử, nhé, nhỉ, đây, đấy*... (đứng cuối câu).

VD: *Mời u xơi khoai đi* ***ạ!*** (Ngô Tất Tố)

***2. Thành phần cảm thán:*** được dùng để bộc lộ tâm lí của người nói (vui, buồn, mừng, giận,...).

VD: ***Trời ơi!*** *Chỉ còn có năm phút.*

***3. Thành phần gọi – đáp:*** được dùng để tạo lập hoặc duy trì quan hệ giao tiếp.

VD:

*-* ***Bác ơi****, cho cháu hỏi chợ Đông Ba ở đâu?*

*-* ***Vâng,*** *mời bác và cô lên chơi*

(**Nguyễn Thành Long**, *Lặng lẽ Sa Pa*)

***4. Thành phần phụ chú:*** được dùng để bổ sung một số chi tiết cho nội dung chính của câu. Thành phần phụ chú thường đặt giữa hai dấu gạch ngang, hai dấu phẩy, hai dấu ngoặc đơn hoặc giữa một dấu gạch ngang với một đấu phẩy. Nhiều khi thành phần phụ chú còn được đặt sau dấu hai chấm.

VD: *Lúc đi, đứa con gái đầu lòng của anh-* ***và cũng là đứa con duy nhất của anh****, chưa đầy một tuổi*

**(Nguyễn Quang Sáng,***Chiếc lược ngà*)

- Các thành phần tình thái, cảm thán, gọi- đáp, phụ chú là những bộ phận không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc của câu nên được gọi là thành phần biệt lập.

**B. Các dạng bài tập**

**Bài tập 1.**Chỉ ra các thành phần câu trong mỗi câu sau:

a*) Nửa tiếng đồng hồ sau, chị Thao chui vào hang.*

**(Lê Minh Khuê** – Những ngôi sao xa xôi)

b) *Tác giả thay mặt cho đồng bào miền Nam – những người con ở xa bày tỏ niềm tiếc thương vô hạn.*

*c) Thế à, cảm ơn các bạn!*

(**Lê Minh Khuê** – Những ngôi sao xa xôi)

*d) Này ông giáo ạ! Cái giống nó cũng khôn.*

*(****Nam Cao*** *– Lão Hạc)*

**\*Gợi ý:**

a*) Nửa tiếng đồng hồ sau, chị Thaochui vào hang.*

**TN CN VN**

(**Lê Minh Khuê** – Những ngôi sao xa xôi)

b) *Tác giả thay mặt cho đồng bào miền Nam –* ***những người con ở xa*** *- bày tỏ*

*TPPC*

*niềm tiếc thương vô hạn.*

*c)* ***Thế à****, cảm ơn các bạn!*

**CT**

(**Lê Minh Khuê** – Những ngôi sao xa xôi)

*d)* ***Này****! ông giáo ạ! Cái giống nó cũng khôn.*

*TT* ***(Nam Cao*** *– Lão Hạc)*

**Bài tập 2 :** Tìm các thành phần tình thái, cảm thán trong những câu sau đây :

a, *Nhưng còn cái này nữa mà ông sợ, có lẽ còn ghê rợn hơn cả những tiếng kia nhiều*.

(**Kim Lân,***Làng*)

b, *Chao ôi, bắt gặp một con người như anh ta là một cơ hội hãn hữu cho sáng tác, nhưng hoàn thành sáng tác còn là một chặng đường dài.*

(**Nguyễn Thành Long**, *Lặng lẽ Sa Pa)*

c, *Ông lão bỗng ngừng lại ngờ ngợ như lời mình không được đúng lắm. Chả nhẽ cái bọn ở làng lại đổ đốn đến thế được.*

(**Kim Lân,***Làng*)

**Gợi ý:**

a, Thành phần tình thái: *có lẽ*

b, Thành phần cảm thán: *Chao ôi*

c, Thành phần tình thái: *Chả nhẽ*

**C. Bài tập thêm:**

**Bài tập 1:**Đặt 2 câu và xác định các thành phần trong câu đó.

**\* Gợi ý:**

a) *Chim hótchào bình minh.*

CN VN

b) *Qua mùa đông, cây bàngtrụi không còn một lá.*

TN CN VN

**Bài tập 2:** Xác định thành phần phụ chú, thành phần khởi ngữ trong các ví dụ sau:

a, *Thế rồi bỗng một hôm, chắc rằng hai cậu bàn cãi mãi, hai cậu chợt nghĩ kế rủ Oanh chung tiền mở cái trường*

(**Nam Cao)**

*b) Lan - bạn thân của tôi - học giỏi nhất lớp.*

*c. Nhìn cảnh ấy mọi người đều chảy nước mắt, còn tôi, tôi cảm thấy như*

*có ai đang bóp nghẹt tim tôi.*

**(Nguyễn Quang Sáng** *- Chiếc lược ngà)*

*d. Kẹo đây, con lấy mà chia cho em.*

**\* Gợi ý:**

- Thành phần phụ chú: a) *chắc rằng hai cậu bàn cãi mãi*

b)  *bạn thân của tôi*

**-** Thành phần khởi ngữ: c) *còn tôi,*

**d)** *kẹo đây*

Viết một đoạn văn ngắn nói về cảm xúc của em khi đọc xong một tác phẩm văn học, trong đó có chứa thành phần tình thái hoặc cảm thán.

**\*Gợi ý:**

- HS viết được đoạn văn có sử dụng thành phần tình thái hoặc cảm thán (tùy sự sáng tạo của học sinh)

- Trình bày cấu trúc đúng theo kết cấu của đoạn văn, có nội dung theo một tác phẩm cụ thể.

- Hình thức: trình bày sạch sẽ, khoa học.

.......................................................................................................

**CÁC KIỂU CÂU**

**A. Tóm tắt kiến thức cơ bản**

**I. Câu đơn**

***\* Khái niệm*** : Câu đơn là câu có một cụm C-V là nòng cốt.

VD: *Tahát bài ca tuổi xanh*.

C V

**II. Câu đặc biệt**

***\* Khái niệm***: Là câu không có cấu tạo theo mô hình chủ ngữ - vị ngữ, câu đặc biệt có cấu tạo là một từ hoặc cụm từ làm trung tâm cú pháp của câu.

VD: *Gió. Mưa. Não nùng.*

**III. Câu ghép**

**1. Đặc điểm của câu ghép**

- Câu ghép là những câu do hai hoặc nhiều cụm C – V không bao chứa nhau tạo thành. Mỗi cụm C – V được gọi là một vế câu.

VD: *Giócàng thổi mạnh thì biểncàng nổi sóng*

C V C V

**2. Cách nối các vế câu ghép.**

\* Có hai cách nối các vế câu:

*- Dùng các từ có tác dụng nối:*

+ Nối bằng một quan hệ từ: *và, rồi, nhưng, còn, vì, bởi vì, do, bởi, tại ….*

+ Nối bằng một cặp quan hệ từ: *vì … nên (cho nên) …., nếu … thì …; tuy ... nhưng …*

+ Nối bằng một cặp phó từ (*vừa … vừa ..; càng … càng …; không những … mà còn …; chưa … đã …; vừa mới … đã* …), đại từ hay chỉ từ thường đi đôi với nhau (cặp từ hô ứng) ( *ai …nấy, gì … ấy, đâu … đấy, nào…. ấy, sao … vậy, bao nhiêu ….bấy nhiêu)*

*- Không dùng từ nối*: Trong trường hợp này, giữa các vế câu cần có dấu phẩy, dấu chấm phẩy hoặc dấu hai chấm.

**3. Quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu.**

- Những quan hệ thường gặp: *quan hệ nguyên nhân, quan hệ điều kiện (giả thiết), quan hệ tương phản, quan hệ tăng tiến, quan hệ lựa chọn, quan hệ bổ sung, quan hệ tiếp nối, quan hệ đồng thời, quan hệ giải thích.*

- Mỗi quan hệ thường được đánh dấu bằng những quan hệ từ, cặp quan hệ từ hoặc cặp từ hô ứng nhất định. Tuy nhiên, để nhận biết chính xác quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu, trong nhiều trường hợp, ta phải dựa vào văn cảnh hoặc hoàn cảnh giao tiếp.

**III. Biến đổi câu.**

**1. Rút gọn câu**.

- Khi nói hoặc viết có thể lược bỏ một số thành phần của câu tạo thành câu rút gọn.

- Câu rút gọn còn được dùng để ngụ ý rằng hành động, tính chất được nêu trong câu là của chung mọi người.

-VD: *Học, học nữa, học mãi*. (Lê-nin)

**2. Tách câu**.

- Khi sử dụng câu, để nhấn mạnh người ta có thể tách một thành phần nào đó của câu (hoặc một vế câu) thành một câu riêng.

- VD: *Đơn vị thường ra đường vào lúc mặt trời lặn. Và làm việc có khi suốt đêm.*

**(Lê Minh Khuê** *- Những ngôi sao xa xôi)*

**3. Câu bị động.**

- Là câu có chủ ngữ chỉ đối tượng bị hành động nêu ở vị ngữ hướng tới.

- VD: *Thầy giáo khen Nam*. (Câu chủ động)

*Nam được thầy giáo khen.* (Câu bị động)

**B. Các dạng bài tập**

**Bài tập 1.**

Các câu sau gồm mấy cụm C – V, chúng có phải là câu ghép không?

a) *Bác trai đã khá rồi chứ ?*

(**Ngô Tất Tố**, Tắt đèn)

b) *Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt!*

**(Nam Cao**, Lão Hạc)

c) *Nắng ấm, sân rộng và sạch.*

d) *… Bà ta thương tình toan gọi hỏi xem sao thì mẹ tôi vội quay đi, lấy nón che.*

(**Nguyên Hồng**, Những ngày thơ ấu)

**Gợi ý**

a) *Bác traiđã khá rồi chứ* ? ***= > Câu đơn***

C V

b*) Lãohãy yên lòng mà nhắm mắt*! ***= > Câu đơn***

C V

c) *Nắngấm, / sânrộng và sạch.****= > Câu ghép***

C V C V

d) … *Bà tathương tình toan gọi hỏi xem sao thì mẹ tôivội quay đi, lấy nón che.*

**C V C V**

***= > Câu ghép***

**Bài tập 2.**

Trong những câu sau, câu nào là câu ghép? Các vế trong câu ghép đó được nối với nhau bằng những phương tiện nào?

*a)Cây non vừa trồi, lá đã xòa sát mặt đất.*

**(Nguyễn Thái Vận)**

*b)Tôi nói “nghe đâu” vì tôi thấy người ta bắn tin rằng mẹ và em tôi xoay ra sống bằng cách đó.*

**(Nguyên Hồng**, Những ngày thơ ấu)

*c) Hổ đực mừng rỡ đùa giỡn với con, còn hổ cái thì nằm phục xuống, dáng mỏi mệt lắm.*

(Con hổ có nghĩa)

*d) Trời chưa sáng, nó đã dậy.*

**Gợi ý:**

a) Câu ghép có các vế câu nối với nhau bằng *dấu phẩy.*

b) Câu ghép có các vế câu nối với nhau bằng quan hệ từ *vì.*

c) Câu ghép có các vế câu nối với nhau bằng quan hệ từ *còn.*

d) Câu ghép có các vế câu nối với nhau bằng cặp phó từ *chưa … đã*

**Bài tập 1. *Cho biết các mối quan hệ giữa các vế của những câu ghép dưới đây:***

a) *Giá như nó nghe tôi thì đâu đến nỗi phải nghỉ học.*

b) *Tôi đọc sách, còn nó nấu cơm.*

c) *Để phong trào thi đua của lớp ngày một tiến bộ thì chúng ta phải cố gắng hơn.*

d) *Trời càng mưa to đường càng ngập nước.*

**Gợi ý:**

a) Quan hệ điều kiện (giả thiết) – hệ quả.

b) Quan hệ tương phản.

c) Quan hệ mục đích.

d) Quan hệ tăng tiến.

**Bài tập 2. Trong số những câu dưới đây câu nào là câu tỉnh lược, câu nào là câu đặc biệt:**

*- Một người qua đường đuổi theo nó. Hai người qua đường đuổi theo nó. Rồi ba bốn người, sáu bảy người. Rồi hàng chục người.*

**(Nguyễn Công Hoan)**

***-*** *Đình chiến. Các anh bộ đội đội nón lưới có gắn sao kéo về đầy nhà Út.*

**(Nguyễn Thi)**

**\* Gợi ý:**

**- *Câu tỉnh lược:*+**  *Rồi ba bốn người, sáu bảy người.*

*+ Rồi hàng chục người.*

***- Câu đơn đặc biệt*:** *Đình chiến.*

**Bài tập 3. Tìm câu bị động trong phần trích sau:**

*Con mèo nhà em bị con chó nhà hàng xóm cắn. Nó đau lắm nhưng không hề rên một tiếng.*

**\* Gợi ý:*Câu bị động*:** *Con mèo nhà em bị con chó nhà hàng xóm cắn.*

**III. Bài tập thêm.**

**Bài tập 1: *Viết một đoạn văn ngắn về một trong các đề tài sau ( trong đoạn văn có sử dụng ít nhất là một câu ghép ).***

a/ Thay đổi thói quen sử dụng bao bì ni lông

b/ Tác dụng của việc lập dàn ý trước khi viết bài tập làm văn

**Gợi ý :**

Bước 1: lựa chọn đề tài .

Bước 2 : xác định cấu trúc đoạn văn ( Quy nạp , diễn dịch, song hành…)

Bước 3 : viết các câu văn

Bước 4 : kiểm tra tính liên kết của đoạn văn

Bước 5 : gạch chân câu ghép đã sử dụng trong đoạn văn

***\* Với đề tài (a):*** Muốn tạo câu ghép, có thể dựa vào tính chất tiện lợi nh­ưng cũng có nhiều tác hại của bao bì ni lông hoặc cách sử dụng bao bì ni lông để tạo câu ghép với cặp từ “*tuy…. nh­ưng*…”, hoặc “*nếu….. thì …*

***\* Chọn câu ghép có quan hệ điều kiện, nguyên nhân để viết: (cả đề tài a và b)***

VD: - *Nếu chúng ta sử dụng bao bì ni lông đúng cách thì môi trường sẽ không bị ô nhiễm.*

*- Nếu chúng ta thực hiện lập dàn ý trước khi viết bài tập làm văn thì bài văn sẽ mạch lạc và đủ ý.*

**Bài tập 2**. Đọc đọc trích dưới đây và trả lời câu hỏi:

*Chị Dậu càng tỏ ra bộ đau đớn:*

*- Thôi, u van con, u lạy con, con có thương thầy, thương u, thì con đi ngay bây giờ cho u. Nếu con chưa đi, cụ Nghị chưa giao tiền cho, u chưa có tiền nộp sưu thì không khéo thầy con sẽ chết ở đình, chứ không sống được. Thôi, u van con, u lạy con, con có thương thầy, thương u thì con đi ngay bây giờ cho u.*

**(Ngô Tất Tố**, Tắt đèn)

a) Quan hệ ý nghĩa giữa các vế của câu ghép thứ hai là quan hệ gì? Có nên tách mỗi vế câu thành một câu đơn không? Vì sao?

b) Thử tách mỗi vế trong câu ghép thứ nhất và thứ ba thành một câu đơn. So sánh cách viết ấy với cách viết trong đoạn trích, qua mỗi cách viết, em hình dung nhân vật nói như thế nào?

**Gợi ý:**

a) Quan hệ ý nghĩa giữa các vế của câu ghép thứ hai là quan hệ điều kiện. Để thể hiện rõ mối quan hệ này, không nên tách mỗi vế câu thành một câu đơn.

b) Trong các câu ghép còn lại, nếu tách các vế câu thành một câu đơn thì hàng loạt câu ngắn đứng cạnh nhau như vậy có thể giup ta hình dung là nhân vật nói nhát gừng hoặc nghẹn ngào. Trong khi đó cách viết của Ngô Tất Tố gợi ra cách nói kể lể, van vỉ thiết tha của chị Dậu.

.....................................................................................................